Biểu số 03

CÔNG KHAI THỰC HIỆN CHI NGÂN SÁCH ĐỊA PHƯƠNG QUÝ III NĂM 2026

(Kèm theo Thông báo số 193 /TB-UBND ngày 20 /10/2026 của UBND xã Thạnh Mỹ)

Đvt: Triệu đồng

STT	NỘI DUNG	DỰ TOÁN THÀNH PHỐ GIAO NĂM 2026	DỰ TOÁN HĐND XÃ GIAO NĂM 2026	SỐ THỰC HIỆN		SO SÁNH THỰC HIỆN VỚI (%)	
				THỰC HIỆN QUÝ III	LŨY KẾ ĐẾN HIỆN TẠI	DỰ TOÁN TP GIAO 2026	DỰ TOÁN HĐND XÃ GIAO 2026
	TỔNG CHI NSĐP	**176.636**	**177.756**	**-14.841**	**126.909**	**71,8%**	**71,4%**
A	**CHI CÂN ĐỐI NSĐP**	**176.636**	**177.756**	**-14.841**	**126.909**	**71,8%**	**71,4%**
I	**Chi đầu tư phát triển**	**30.630**	**31.750**	**-48.414**	**26.767**	**87,4%**	**84,3%**
1	Chi đầu tư cho các DA theo các lĩnh vực	30.630	31.750	-48.414	26.767	87,4%	84,3%
-	Kế hoạch vốn năm 2026	30.630	31.750	-48.414	26.767	87,4%	84,3%
2	Chi đầu tư và hỗ trợ vốn cho các doanh nghiệp cung cấp sản phẩm, dịch vụ công ích do Nhà nước đặt hàng, các tổ chức kinh tế, các tổ chức tài chính của địa phương theo quy định của pháp luật						
3	Chi đầu tư phát triển khác						
II	**Chi trả nợ lãi các khoản do chính quyền địa phương vay**						
III	**Chi thường xuyên**	**143.078**	**143.078**	**33.573**	**100.141**	**70,0%**	**70,0%**
	Trong đó:						
1	Chi quốc phòng	2.575	2.575	1.255	2.774	107,7%	107,7%
2	Chi an ninh và trật tự, an toàn xã hội	1.047	1.047	306	813	77,7%	77,7%
3	Chi giáo dục, đào tạo và dạy nghề	71.223	71.223	14.365	46.451	65,2%	65,2%
4	Chi khoa học và công nghệ	2.000	2.000	594	990	49,5%	49,5%
5	Chi y tế, dân số và gia đình	6.571	6.571	2.815	6.455	98,2%	98,2%
6	Chi văn hoá thông tin	862	862	66	293	34,0%	34,0%
7	Chi phát thanh, truyền hình, thông tấn	398	398	5	91	22,9%	22,9%
8	Chi thể dục thể thao	188	188		150	79,8%	79,8%
9	Chi bảo vệ môi trường	2.220	2.220	316	883	39,8%	39,8%
10	Chi các hoạt động kinh tế	13.495	13.495	3.142	8.217	60,9%	60,9%
11	Chi hoạt động của các cơ quan quản lý nhà nước, Đảng, đoàn thể	29.721	29.721	8.284	25.397	85,5%	85,5%
12	Chi đảm bảo xã hội	10.453	10.453	2.422	7.537	72,1%	72,1%
13	Các khoản chi khác theo quy định của pháp luật	2.325	2.325		91	3,9%	3,9%
IV	**Chi viện trợ**						
V	**Dự phòng ngân sách**	**2.928**	**2.928**				
B	**CHI TỪ NGUỒN BỔ SUNG CÓ MỤC TIÊU TỪ NSTW CHO NSĐP**			-			
1	Chương trình mục tiêu quốc gia						
2	Cho các chương trình dự án quan trọng vốn đầu tư						
3	Cho các nhiệm vụ, chính sách kinh phí thường xuyên						
C	**Chi nộp ngân sách cấp trên**						